

SỞ Y TẾ THANH HOÁ
TRUNG TÂM
KIỂM SOÁT BỆNH TẬT

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1130/KSBT- HĐMS

Thanh Hoá, ngày 07 tháng 8 năm 2023

Về việc mời báo giá mua vật tư, vật tư tiêu hao theo máy, hóa chất, sinh phẩm, khí, trang thiết bị thuộc các hoạt động, dự án và chương trình mục tiêu Y tế - Dân số năm 2023

YÊU CẦU BÁO GIÁ

Kính gửi: Các hãng sản xuất, nhà cung cấp tại Việt Nam

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa có nhu cầu tiếp nhận báo giá để tham khảo, xây dựng giá gói thầu, làm cơ sở tổ chức lựa chọn nhà thầu cho dự án: Mua vật tư, vật tư tiêu hao theo máy, hóa chất, sinh phẩm, khí, trang thiết bị thuộc các hoạt động, dự án và chương trình mục tiêu Y tế - Dân số năm 2023, với các nội dung sau:

I. Thông tin của đơn vị yêu cầu báo giá

1. Đơn vị yêu cầu báo giá: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa.

2. Thông tin liên hệ của người chịu trách nhiệm tiếp nhận báo giá:

Họ và tên: Nguyễn Danh Thông

Chức vụ: Cán bộ khoa Dược - VTYT

Điện thoại: 0762084999

3. Cách thức tiếp nhận báo giá:

- Gửi chuyển phát nhanh hoặc nộp trực tiếp về địa chỉ: khoa Dược – VTYT thuộc Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa. Địa chỉ số 474, đường Hải Thượng Lãn Ông, phường Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa.

- Nhận qua email: duocvtyt.cdcth@gmail.com nhận file mềm excel và bản Scan có dấu đỏ.

4. Thời gian tiếp nhận báo giá: Từ 14h00 ngày 08/8/2023 đến trước 17h00 ngày 19/8/2023.

5. Thời hạn có hiệu lực của báo giá: Tối thiểu 90 ngày, kể từ ngày 19/8/2023 (ngày kết thúc nhận báo giá).

II. Nội dung yêu cầu báo giá

1. Danh mục vật tư, vật tư tiêu hao theo máy, hóa chất, sinh phẩm, khí, trang thiết bị yêu cầu báo giá (*chi tiết tại phụ lục 1; phụ lục 2*).

2. Địa điểm cung cấp hàng hóa: Tại Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa. Địa chỉ số 474, Hải Thượng Lãn Ông, phường Quảng Thắng, thành phố Thanh Hóa, tỉnh Thanh Hóa.

3. Thời gian giao hàng dự kiến: Quý III, IV/2023.

4. Dự kiến về các điều khoản tạm ứng, thanh toán hợp đồng:

- Các điều khoản tạm ứng: Không vượt quá 50% giá trị hợp đồng.
- Thanh toán: 100% giá trị còn lại của hợp đồng sau khi đã trừ đi phần tạm ứng (nếu có) trong vòng 90 ngày kể từ khi hai bên tiến hành bàn giao và nghiệm thu toàn bộ hàng hóa theo hợp đồng.

Kính mời các hãng sản xuất, nhà cung cấp báo giá theo mẫu (phụ lục 3).

Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa trân trọng thông báo./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Lưu: VT, HDMS.

**TM. HỘI ĐỒNG MUA SẴM
CHỦ TỊCH HỘI ĐỒNG**



**PHÓ GIÁM ĐỐC
Đỗ Thanh Tùng**



PHỤ LỤC 1

DANH MỤC, SỐ LƯỢNG, CẤU HÌNH KỸ THUẬT CỦA VẬT TƯ, VẬT TƯ TIÊU HAO THEO MÁY, HÓA CHẤT, SINH PHẨM, TRANG THIẾT BỊ
(Kèm theo công văn số 1130/KSBT-HĐMS ngày 07/8/2023 của Hội đồng mua sắm)

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật của hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
I. Gói số 1. Mua vật tư, vật tư tiêu hao theo máy, hóa chất, sinh phẩm, khí thuộc các hoạt động, dự án và chương trình mục tiêu Y tế - Dân số năm 2023					
Phần 1. Sinh phẩm xét nghiệm Elisa					
1	Sinh phẩm Elisa định tính kháng thể IgM của virus Dengue	Định tính kháng thể IgM của virus Dengue trong huyết thanh và huyết tương người bằng kỹ thuật ELISA. Độ nhạy $\geq 96\%$, Độ đặc hiệu $\geq 95\%$	Test	480	
2	Hóa chất xét nghiệm kháng thể Toxocara (Giun đũa chó mèo)	Phát hiện định tính kháng thể IgG kháng Toxocara trong mẫu huyết thanh và huyết tương người sử dụng kỹ thuật xét nghiệm miễn dịch hấp thụ liên kết enzyme (ELISA). 1. Độ nhạy $\geq 87.5\%$. 2. Độ đặc hiệu: $\geq 93.3\%$.	Test	960	
3	Hóa chất xét nghiệm kháng thể Fasciola (Sán lá gan lớn)	Tầm soát định tính kháng thể IgG kháng Fasciola trong huyết thanh với kỹ thuật miễn dịch hấp thụ liên kết enzyme (ELISA). 1. Độ nhạy: 100% . 2. Độ đặc hiệu: 100% .	Test	480	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật của hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
4	Thuốc thử elisa xét nghiệm bán định lượng IgG kháng Paragonimus (sán lá phổi)	<p>- Xét nghiệm Paragonimus ELISA là một xét nghiệm miễn dịch enzym bán định lượng để phát hiện các kháng thể đối với Paragonimus, trong các mẫu huyết thanh hoặc huyết tương người. Thử nghiệm này chỉ được thực hiện bởi các kỹ thuật viên y tế được đào tạo.</p> <p>- Thành phần:</p> <p>+ Microplate- Vi thể có chứa kháng nguyên Paragonimus - 96 giếng thử nghiệm trong hộp đựng vi thể</p> <p>+ Enzyme Conjugate- Một (1) chai chứa 11 ml Protein-A liên hợp với peroxidase.</p> <p>+ Đối chứng dương tính - Một (1) lọ chứa 2 ml huyết thanh thử dương tính đã được pha loãng.</p> <p>+ Đối chứng âm tính - Một (1) lọ chứa 2 ml huyết thanh người đã pha loãng.</p> <p>+ Chromogen- Một (1) chai chứa 11 ml chromogen tetramethylbenzidine (TMB).</p> <p>+ Dung dịch rửa cô đặc (20X) - Hai (2) chai chứa 25 ml dung dịch đệm và chất hoạt động bề mặt đậm đặc.</p> <p>+ Đệm pha loãng - Hai (2) chai chứa 30 ml dung dịch protein đệm.</p> <p>Dung dịch dừng - Một (1) chai chứa 11 ml axit photphoric 1 M.</p> <p>- Độ nhạy $\geq 95\%$</p> <p>- Độ đặc hiệu 100%</p>	Test	480	
5	Sinh phẩm ELISA chẩn đoán viêm não Nhật Bản	Bộ sinh phẩm ELISA chẩn đoán vi-rút viêm não Nhật Bản. Bệnh phẩm sử dụng là huyết thanh hoặc huyết tương người; phát hiện kháng thể IgM trong mẫu bệnh phẩm. Khay nhựa vi lượng 96 giếng (8 giếng x 12 dãy); các dãy có thể tách rời nhau. Độ nhạy > 95%, độ đặc hiệu > 95 %	Test	96	
6	Sinh phẩm ELISA chẩn đoán sởi	Bộ sinh phẩm ELISA chẩn đoán vi-rút sởi. Bệnh phẩm sử dụng là huyết thanh hoặc huyết tương người; phát hiện kháng thể IgM trong mẫu bệnh phẩm. Khay nhựa vi lượng 96 giếng (8 giếng x 12 dãy); các dãy có thể tách rời nhau. Độ nhạy > 95%, độ đặc hiệu > 99 %.	Test	192	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật của hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
Phần 2. Hóa chất, sinh phẩm dùng trong xét nghiệm sinh học phân tử					
1	Kit tách chiết acid nucleic Virus	Tách chiết đồng thời DNA và RNA của virus từ huyết tương hoặc mẫu huyết thanh. Kết hợp công nghệ đặc tính liên kết chọn lọc của màng dựa trên silica với thể tích rửa giải tối thiểu là 20 µl hoặc 60µl. Thành phần: Cột lọc (2 ml):50 cái Ống mở rộng(3 ml): 50 cái Ống thu hồi (1.5 ml): 50 cái Ống rửa (2 ml): 50 cái Bộ van kết nối: 50 cái Dung dịch ly giải: 33 ml Dung dịch đệm rửa 1: 19 ml Dung dịch đệm rửa 2: 13 ml Dung dịch đệm thu hồi: 4 x 2 ml Dung môi hoàn nguyên Protease: 4.4 ml Carrier RNA: 310 µg Protease: 1 ống	Test	100	
2	RT- PCR Master Mix (2X)	Hỗn hợp sinh phẩm sử dụng cho phản ứng PCR với các tác nhân gây bệnh có vật liệu di truyền là ARN; độ đậm đặc 2X.	Test	100	
3	Chứng dương cúm A	Mẫu đối chứng dương tính để chẩn đoán cúm A bằng kỹ thuật PCR, loại 50 pu/ống.	Ống	1	
4	Chứng dương cúm A/H1	Mẫu đối chứng dương tính để chẩn đoán cúm A/H1 bằng kỹ thuật PCR, loại 50 pu/ống.	Ống	1	
5	Chứng dương cúm A/H3	Mẫu đối chứng dương tính để chẩn đoán cúm A/H3 bằng kỹ thuật PCR, loại 50 pu/ống.	Ống	1	
6	Chứng dương cúm B	Mẫu đối chứng dương tính để chẩn đoán cúm B bằng kỹ thuật PCR, loại 50 pu/ống.	Ống	1	
7	Mồi cúm A: H3 HAF	AAG CAT TCC YAA TGA CAA ACC (12 Nu), loại 50 pu/ống.	Ống	1	
8	Mồi cúm A: H3 HAR	ATT GCR CCR AAT ATG CCT CTA GT (23 Nu), loại 50 pu/ống.	Ống	1	
9	Mồi cúm B: M30F2	ATG AGY CTT YTA ACC GAG GTC GAA ACG (27 Nu), loại 50 pu/ống.	Ống	1	
10	Mồi cúm B: M 264 R3	TGG ACA AAN CGT CTA CGC TGC AG (23 Nu), loại 50 pu/ống.	Ống	1	
11	Mồi cúm A: SW H1F1	TGC ATT TGG GTA AAT GTA ACA TTG (24 Nu), loại 50 pu/ống.	Ống	1	
12	Mồi cúm A: SW H1R1	AAT GTA GGA TTT RCT GAK CTT TGG (24 Nu), loại 50 pu/ống.	Ống	1	
13	Thang chuẩn ADN 100bp	Thang chuẩn phân tử ADN sử dụng cho điện di sản phẩm sau khuếch đại PCR; thang có giải độ lớn từ 100bp - 1000bp, hộp 50 pu	Hộp	1	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật của hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
14	Thuốc nhuộm có độ nhạy cao để hiển thị DNA trong gel agarose hoặc acrylamide	Hóa chất dùng để nhuộm phân tử AND trong quá trình điện di trên thạch, mỗi hộp 01 ống, mỗi ống 1ml	Hộp	1	
15	Đệm màu tra mẫu điện di	Hóa chất tạo màu để theo dõi quá trình điện di trên thạch. Mỗi hộp 2 ống, mỗi ống 1 ml.	Hộp	1	
16	Thạch Agarose	Thạch mềm dùng để điện di phân tử ADN sau khuếch đại PCR.	Gam	100	
Phần 3. Kháng huyết thanh					
1	Kháng huyết thanh tả đa giá O1	Sinh phẩm chứa kháng thể đa giá kháng vi khuẩn tả, đặc hiệu nhóm O1; dùng cho phản ứng ngưng kết chẩn đoán xác định vi khuẩn tả nhóm O1. Độ nhạy > 98%, độ đặc hiệu > 98%, lọ 3ml.	Lọ	1	
2	Kháng huyết thanh tả đa giá O139	Sinh phẩm chứa kháng thể đa giá kháng vi khuẩn tả, đặc hiệu nhóm O139; dùng cho phản ứng ngưng kết chẩn đoán xác định vi khuẩn tả nhóm O139. Độ nhạy > 98%, độ đặc hiệu > 98%, lọ 3ml	Lọ	1	
3	Kháng HT tả đơn giá Ogawa	Sinh phẩm chứa kháng thể đơn giá kháng vi khuẩn tả, đặc hiệu týp Ogawa; dùng cho phản ứng ngưng kết chẩn đoán xác định vi khuẩn tả týp Ogawa. Độ nhạy > 98%, độ đặc hiệu > 98%, lọ 3ml.	Lọ	1	
4	Kháng HT tả đơn giá Innaba	Sinh phẩm chứa kháng thể đơn giá kháng vi khuẩn tả, đặc hiệu týp Innaba; dùng cho phản ứng ngưng kết chẩn đoán xác định vi khuẩn tả týp Innaba. Độ nhạy > 98%, độ đặc hiệu > 98%, lọ 3ml	Lọ	1	
5	Kháng huyết thanh <i>E.coli</i> nhóm I	Sinh phẩm chứa kháng thể đa giá kháng vi khuẩn <i>E.coli</i> , đặc hiệu nhóm I; dùng cho phản ứng ngưng kết chẩn đoán xác định vi khuẩn <i>E.coli</i> , đặc hiệu nhóm I, lọ 2ml	Lọ	1	
6	Kháng HT <i>E.coli</i> nhóm II	Sinh phẩm chứa kháng thể đa giá kháng vi khuẩn <i>E.coli</i> , đặc hiệu nhóm II; dùng cho phản ứng ngưng kết chẩn đoán xác định vi khuẩn <i>E.coli</i> , đặc hiệu nhóm II. Độ nhạy > 98%, độ đặc hiệu > 98%, lọ 2ml	Lọ	1	
7	Kháng HT <i>E.coli</i> nhóm III	Sinh phẩm chứa kháng thể đa giá kháng vi khuẩn <i>E.coli</i> , đặc hiệu nhóm III; dùng cho phản ứng ngưng kết chẩn đoán xác định vi khuẩn <i>E.coli</i> , đặc hiệu nhóm III. Độ nhạy > 98%, độ đặc hiệu > 98%, lọ 2ml	Lọ	1	
8	Kháng HT <i>E.coli</i> nhóm IV	Sinh phẩm chứa kháng thể đa giá kháng vi khuẩn <i>E.coli</i> , đặc hiệu nhóm IV; dùng cho phản ứng ngưng kết chẩn đoán xác định vi khuẩn <i>E.coli</i> , đặc hiệu nhóm IV, lọ 2ml	Lọ	1	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật của hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
9	Kháng HT <i>Shigella boydii</i>	Sinh phẩm chứa kháng thể đặc hiệu kháng vi khuẩn <i>Shigella boydii</i> ; dùng cho phản ứng ngưng kết chẩn đoán xác định vi khuẩn <i>Shigella boydii</i> . Độ nhạy > 98%, độ đặc hiệu > 98%, lọ 2ml	Lọ	1	
10	Kháng HT <i>Shigella flexneria</i>	Sinh phẩm chứa kháng thể đặc hiệu kháng vi khuẩn <i>Shigella flexneria</i> ; dùng cho phản ứng ngưng kết chẩn đoán xác định vi khuẩn tả <i>Shigella flexneria</i> . Độ nhạy > 98%, độ đặc hiệu > 98%, lọ 2ml	Lọ	1	
Phần 4. Hóa chất chạy tương thích với máy xét nghiệm huyết học RT-7600, hãng Rayto, Trung Quốc					
1	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học	Dung dịch dùng để phá vỡ hồng cầu, giúp cho việc thực hiện kỹ thuật đếm bạch cầu, tiểu cầu và các chỉ tiêu khác; thành phần chính: Ammonium salt < 10%, NaCl < 0,15%, Stabilizer < 0,12% Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm huyết học RT-7600, hãng Rayto, Trung Quốc	ml	500	
2	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học	Dung dịch để pha loãng mẫu, dùng cho máy huyết học Rayto 6700s; mẫu bệnh phẩm là máu toàn phần; thành phần chính: NaCl < 0,6%, Stabilizer < 1.0% và dung dịch đệm Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm huyết học RT-7600, hãng Rayto, Trung Quốc	ml	20.000	
3	Hóa chất dùng cho máy phân tích huyết học	Dung dịch dùng để làm sạch buồng đếm, đường ống trong quá trình thực hiện xét nghiệm huyết học; thành phần chính: dung dịch đệm < 0,3%, protease < 0,2% Sử dụng tương thích với máy xét nghiệm huyết học RT-7600, hãng Rayto, Trung Quốc	ml	1.000	
Phần 5. Test nước tiểu 11 thông số chạy tương thích với máy xét nghiệm sinh hóa nước tiểu 11 thông số Mindray AU-66					
1	Tét nước tiểu 11 thông số	Sử dụng cho máy xét nghiệm sinh hóa nước tiểu 11 thông số Mindray AU-66, bao gồm: Leukocytes, Nitrit, Urobilinogen, Protein, pH, Blood, Specific Gravity, Ketone, Bilirubin, Glucose, Ascorbic Acid	Test	400	
Phần 6. Hóa chất xét nghiệm acid acetic, nghiệm pháp Lugol trong khám sàng lọc sớm ung thư cổ tử cung					
1	Dung dịch Acid Acetic 3%	Thành phần là Acid acetic (CH ₃ COOH) có nồng độ 3%	ml	10.000	
2	Dung dịch Lugol 3%	Dung dịch có chứa kali iodide cùng iod tan trong nước, mỗi 20 ml chứa: Iod 0,2g; kali Iodid 0,4g	ml	6.000	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật của hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
Phần 7. Hóa chất xét nghiệm, khử khuẩn					
1	Thuốc thử Kovac	Thuốc thử Kovac là hóa chất sinh hóa chứa isoamyl alcohol, para dimethylaminobenzaldehyde (DMAB), và HCl đặc. Dùng để phát hiện đặc tính sinh Indol của vi khuẩn	ml	200	
2	Bộ nhuộm Gram	Dùng để xác định tính chất bắt màu Gram của vi khuẩn; bao gồm 04 dung dịch thuốc nhuộm thành phần là Crystal Violet chai 100ml, Lugol chai 100ml, Decolor (alcohol-acetone) chai 100ml và Safranin chai 100ml. Bộ 4 chai	Bộ	1	
3	Cồn y tế 70 độ	Thành phần Ethanol $\geq 70\%$, được sử dụng để ngâm rửa, vệ sinh, khử trùng, sát khuẩn dụng cụ y tế, trang thiết bị y tế, khử trùng trong lĩnh vực y tế.	ml	45.000	
4	Cồn 90 độ	Dung dịch 90% thể tích cồn Ethanol trong nước; dùng cho đốt đèn cồn, khử trùng bề mặt bàn xét nghiệm, dụng cụ y tế	ml	80.000	
5	Cồn tuyệt đối	Hàm lượng cồn (Ethanol) $> 99\%$	ml	500	
6	Dung dịch Giemsa	Dung dịch nhuộm Giemsa mẹ là dung dịch màu xanh (bao gồm bột giemsa, methanol, glycerol)	ml	1.000	
7	Dầu soi kính hiển vi	Dùng để soi tiêu bản đã nhuộm, phát hiện hình thể vi khuẩn, nấm, kí sinh trùng trên kính hiển vi quang học.	ml	600	
8	Dung dịch xylene	Dung môi Xylene là hợp chất hữu cơ có công thức hóa học là C_8H_{10} . Dùng để lau kính hiển vi, làm sạch các bộ phận quang học của kính mà không gây mốc, xước và làm mờ đi; Dùng để xử lý mô, có mùi thơm, dùng trong mô bệnh học và tế bào học	ml	300	
9	Viên khử khuẩn	Thành phần, hàm lượng hoạt tính: Sodium Dichloroisocyanurate Anhydrous (NaDCC) 50% (2,5g trên viên 5g) + Adipic Acid 22,5% + TP khác 27,5%; Diệt khuẩn nhanh, phổ tác dụng rộng có tác dụng đối với tất cả các loại vi khuẩn sinh dưỡng, nấm, virus và nha bào.	viên	2.100	
10	Nước muối sinh lý	Dung dịch không màu, trong suốt, có chứa hàm lượng muối Natri Clorua 0.9%	ml	10.000	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật của hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
11	Chai cấy máu 2 pha	Chai nhựa nắp vặn chặt, mặt nắp là lớp cao su. Chai có hai phase môi trường: Phase lỏng là 40 ml BHI (Brain Heart Infusion) có SPS kháng đông, phase đặc là mặt thạch phẳng 10 ml BHI. Cây phân lập các vi khuẩn hiếu khí (kể cả vi khuẩn khó mọc) từ bệnh phẩm máu (cấy máu).	Chai	20	
Phần 8. Vật tư tiêm chủng mở rộng và phòng chống dịch					
1	Hộp an toàn đựng bơm và kim tiêm đã sử dụng	Hình hộp chữ nhật - Vật liệu làm hộp: Carton 2 mặt phủ màng PE - Độ dày thành hộp: 1,3-1,4 mm - Kích thước ngoài: + Trước khi lắp ráp cao x dài x rộng (mm): 580x284x3,85 + Sau khi lắp ráp cao x dài x rộng (mm): 275x160x125 - Khối lượng hộp rỗng: 300g - Kích thước lỗ thả Bơm tiêm: Đường kính lỗ thả kim tiêm 36±1mm, có nắp đóng mở.	Cái	3.055	
2	Bơm kim tiêm lao 0,1 ml tự khóa	Bơm tiêm làm bằng nhựa dùng một lần để tiêm trong da vắc xin phòng lao cho trẻ sơ sinh. Dung tích bơm tiêm là 0,1ml. Cỡ kim là 27Gx3/8". Các nguyên vật liệu để làm bơm tiêm: xy lanh, piston, kim tiêm (đốc kim, thân kim...) là những nguyên vật liệu được phép sử dụng trong y tế. Bơm tiêm phải có tính năng tự khóa (hay còn được gọi là tự hóc, tự hủy, thuật ngữ tiếng Anh là Auto Disable) có nghĩa là sau khi vắc xin hoặc dung dịch tiêm truyền được hút đủ liều vào trong bơm kim tiêm rồi tiêm hết thì không thể kéo piston trở lại để hút vắc xin hoặc dung dịch tiêm truyền lần thứ 2 được nữa. Tập hợp bơm tiêm, kim tiêm, nắp chụp bảo vệ được hàn kín trong một đơn vị đóng gói, sau đó được xử lý tiệt trùng theo quy trình tiệt trùng kín.	cái	30.000	
Phần 9. Vật tư tiêu hao phục vụ chuyên môn					
1	Giấy in nhiệt	Sử dụng cho máy sinh hóa máu, nước tiểu; kích thước cao 57mm, đường kính 45mm, màu trắng	Cuộn	1	
2	Ống mao dẫn thể tích 20µl	Ống mao dẫn dùng để chứa một lượng mẫu nhỏ, sử dụng cho việc lấy máu để xét nghiệm, thể tích ống 20µl, được làm bằng nhựa polypropylen	Cái	3.000	Có hình ảnh minh họa kèm theo
3	Bông tắm cồn	Kích thước: 6cmx6cm, thấm cồn Ethanol 70%.	Miếng	3.000	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật của hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
4	Ống lưu mẫu Cryotube	Chất liệu thân ống nhựa PP, nắp nhựa PE, dung tích 1.8ml. Được sử dụng để bảo quản lạnh các mẫu như máu toàn phần, huyết thanh, tế bào.	ống	300	
5	Hộp đựng ống đựng mẫu Cryo 1.8-2.0 ml	Hộp đựng ống đựng mẫu Cryo 1.8-2.0 ml. Chất liệu nhựa PP chịu hoá chất, loại có 100 vị trí lỗ để chứa ống Cryo	cái	1	
6	Ống nghiệm đông máu Serum	Ống nghiệm nhựa, kích thước 13 x 75mm. Hóa chất bên trong tối thiểu hạt nhựa Polystyrene.	Ống	300	
7	Màng lọc	Màng lọc cellulose acetate 0,45 μ L. Chất liệu: Mix cellulose ester. Đường kính: 47mm. Kích thước lỗ: 0.45 μ m. Được tiệt trùng từng tấm	Cái	200	
8	La men	Phiên kính kích thước 22x22mm (\pm 5%), chất liệu thủy tinh	Cái	1.000	
9	Đĩa petri thủy tinh đường kính 60 mm	Đĩa petri đường kính 60 mm có nắp đậy, được làm bằng thủy tinh trong suốt, chịu nhiệt	Cái	200	
10	Que thử Oxidase	Que dùng để thử phản ứng dương tính với Oxydase của các chủng vi sinh vật, giúp xác định vi khu+ C159: C164 ẩn sinh cytochrome oxidase	test	200	
11	Khẩu trang y tế có than hoạt tính	- 4 lớp kháng khuẩn: Lớp ngoài chống thấm, lớp than hoạt tính, lớp kháng khuẩn và lớp trong mềm mại với da. - Hiệu quả lọc khuẩn trên 99% và giúp ngăn chặn ô nhiễm môi trường. - Nguyên liệu chống dị ứng chất lượng cao.	Cái	200	
12	Chai lấy mẫu nước (phân tích chỉ tiêu hóa học)	Chai nhựa PET 1000 ml, màu trong suốt, miệng rộng f38, có nắp vặn màu trắng; là nhựa không tái chế, có độ bền cơ học cao, khả năng chịu lực xé và va chạm cao, chịu được mài mòn và có độ cứng vững.	cái	300	
13	Chai lấy mẫu nước (phân tích chỉ tiêu vi sinh)	Chai thủy tinh nút mài (hoặc vặn) dung tích 250 ml, chất liệu thủy tinh trung tính, không màu, chịu được nhiệt độ 150-270 $^{\circ}$ C	cái	300	
14	Bình nhựa xịt cồn	Chất liệu nhựa trong suốt, mềm, vòi phun có bơm áp lực tạo thành các tia nhỏ, giọt bắn; dung tích 500ml.	Cái	10	
15	Que cấy nhựa vòng, đường kính 1mm	Dùng cho kỹ thuật nuôi cấy vi khuẩn, nấm; chất liệu nhựa, dùng một lần; đường kính trong của vòng que cấy dài 1mm.	Cái	500	
16	Que cấy nhựa vòng, đường kính 4mm	Dùng cho kỹ thuật nuôi cấy vi khuẩn, nấm; chất liệu nhựa, dùng một lần; đường kính trong của vòng que cấy dài 4mm.	Cái	500	
17	Chỉ thị nhiệt sinh học (<i>Bacillus stearothermophilus</i>)	Dùng để kiểm tra hiệu suất thiết bị hấp tiệt trùng; chất liệu chính là bào tử vi khuẩn <i>Bacillus stearothermophilus</i> , số lượng 10 mũ 5 đến 10 mũ 6 bào tử; có sẵn môi trường nuôi cấy trong ống thử.	Cái	50	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật của hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
18	Băng chỉ thị nhiệt dùng cho hấp ướt 1322-24mm	Chỉ thị nhiệt 24mm x 55m có Acrylic và vạch mực chỉ thị hóa học. Vạch chỉ thị sẽ chuyển sang màu đen sau khi qua chu trình nhiệt tiệt khuẩn	Cuộn	5	
19	Giấy bạc	Giấy kim loại nhôm, dùng để bọc các dụng cụ khi hấp sấy, tiệt trùng. Kích thước 5m x 30cm.	Cuộn	5	
20	Đầu lọc gắn đầu kim tiêm với đường kính 25mm, lỗ lọc 0.45µm	<ul style="list-style-type: none"> - Chất liệu: Polypropylene (PP), Sử dụng để loại bỏ các hạt mẫu, trước khi phân tích HPLC (Sắc ký lỏng hiệu năng cao), IC (sắc ký ion) ... - Đường kính: 25mm - Kích thước lỗ lọc: 0.45µm - Kích thước ghi rõ ràng trên bộ lọc - Màng có tính linh hoạt cao, bền, chống thấm tốt, chịu tải cao, tiết kiệm thời gian lọc 	Cái	150	
Phần 10. Vật tư tiêu hao của máy hệ thống máy sắc ký ion ICS 6000 (model: Dionex ICS 6000; hãng Thermo Scientific-Mỹ)					
1	End Line Filter, Eluent, 1/4-28, UHMWPE CatNo: 045987	Đầu lọc pha động dùng cho hệ thống máy sắc ký ion ICS 6000 (model: Dionex ICS 6000; hãng: Thermo Scientific-Mỹ)	Cái	3	
2	Bed Support, 4 mm IonPac and OmniPac CatNo: 042955	Màng lọc đầu cột ASSY, BED SPRT, 4MM dùng cho hệ thống máy sắc ký ion ICS 6000 (model: Dionex ICS 6000; hãng: Thermo Scientific-Mỹ)	Cái	5	
3	Lọ đựng mẫu và nắp loại 5 mL PolyVials+Filter Caps, 250 each, 5mL, CatNo: 038009 và 038008	<ul style="list-style-type: none"> - Lọ đựng mẫu Polypropylene 5mL và nắp có bộ lọc, - Dùng cho hệ thống máy sắc ký ion ICS 6000 (model: Dionex ICS 6000; hãng: Thermo Scientific-Mỹ) 	Cái	150	
Phần 11. Khí					

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật của hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
1	Khí Argon gas 5.0	<ul style="list-style-type: none"> - Bình chứa khí Chỉ tiêu kỹ thuật + Chiều cao bình: 1300cm + Đường kính bình: 21,9cm + Độ dày thân bình: 5,7 mm + Chất liệu: được làm bằng Sắt + Thể tích bình: 40 lít + Áp suất nạp: 150 bar + Áp suất thử: 250 bar + Van chai: QF2C (Có giấy chứng nhận hợp quy kèm theo) - Khí Argon 5.0 (lượng khí chứa trong bình) Chỉ tiêu kỹ thuật + Độ tinh khiết: 99,999% + Đặc tính: Khí nén, không cháy, không độc + Áp suất: 150 atm + Tạp chất (ppm) O2 ≤ 2; N2 ≤ 5; H2O ≤ 3; CnHm: ≤ 0,2 + Dung tích 40 lít, chứa 6m³ khí Argon. 	Bình	4	
Gói số 2. Mua trang thiết bị phục vụ chuyên môn thuộc chương trình chăm sóc và nâng cao sức khỏe người lao động phòng chống bệnh nghề nghiệp năm 2023					
1	Máy đo tiếng ồn	<ul style="list-style-type: none"> Thông số kỹ thuật Dải đo: +32 ~ +130 dB Tần số đo: 31.5 Hz ~ 8 kHz Độc chính xác: ±1.0 dB Tốc độ đo: 5 giây Chất liệu vỏ: ABS(Acrylonitrin Butadien Styren) Khoảng dải đo: 30 - 80 dB; 50 - 100 dB; 80 - 130 dB Kiểu pin: pin khối 9V, 6F22 Thời lượng Pin: 70 giờ Kích thước: 255 x 55 x 43 mm Phụ kiện kèm theo máy chính gồm: Tua vít hiệu chuẩn, đầu chắn gió và pin Catalog hướng dẫn sử dụng (nếu tài liệu là tiếng nước ngoài thì phải gửi kèm bản dịch tiếng Việt) Giấy chứng nhận hiệu chuẩn thiết bị và dán tem hiệu chuẩn. 	Cái	1	

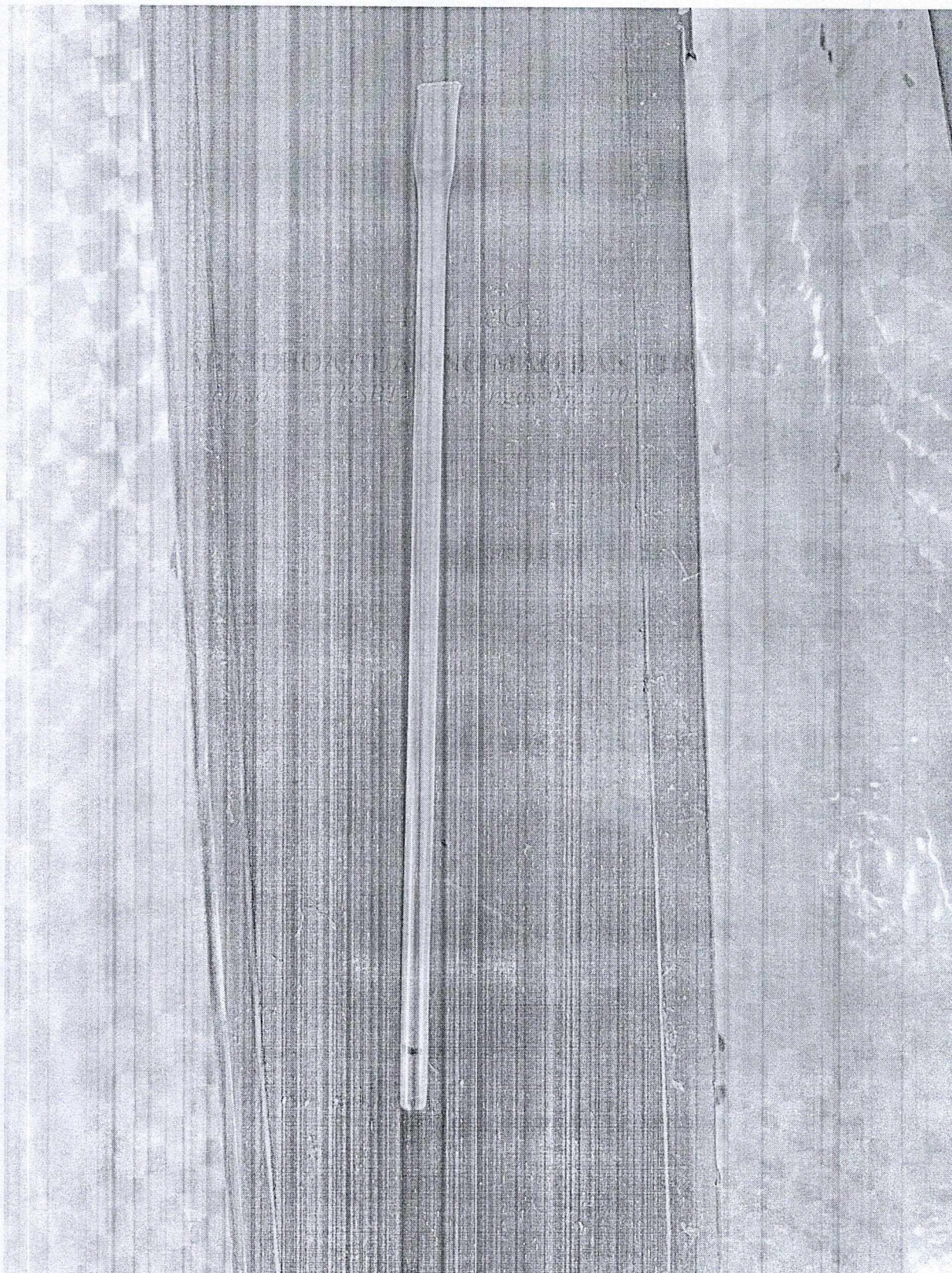
STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật của hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
2	Máy đo tiếng ồn có phân tích giải tần Class 1	<p>Thông số kỹ thuật:</p> <ul style="list-style-type: none"> -Tiêu chuẩn cấp độ tiếng ồn: Class 1. -Từ việc đo lường mức độ âm thanh đơn giản để phân tích tần số trong thời gian thực. -Bao gồm hầu hết các ứng dụng trong việc tìm kiếm các giải pháp để có được tốt hơn môi trường tiếng ồn. -Dải đo động: Từ 20-137 dB. -Mức độ tiếng ồn trọng: LXy. -Các mức liên tục tương đương: LXeq. -Mức áp suất đỉnh: LU_{pk}. -Mức độ tiếp xúc với tiếng ồn: LXE. -Phân tích dải tần với thời gian thực: Dải từ 16 Hz đến 16 kHz. -Giá trị và biểu đồ phân tích theo NR comfort criteria. -Cung cấp bao gồm: Máy chính DB300/1, kính chắn gió, phần mềm LDB23, cáp kết nối USB, pin, và li đựng máy. - Catalog hướng dẫn sử dụng (nếu tài liệu là tiếng nước ngoài thì phải gửi kèm bản dịch tiếng Việt) - Giấy chứng nhận hiệu chuẩn thiết bị và dán tem hiệu chuẩn. 	Cái	1	
3	Máy đo CO ₂ cầm tay	<p>Thông số kỹ thuật</p> <ul style="list-style-type: none"> • Khí (CO₂) <ul style="list-style-type: none"> - Dải đo: 0 to 9,999ppm - Độ phân giải: 1ppm - Sai số: ±75ppm+5% • Nhiệt độ: <ul style="list-style-type: none"> - Dải đo: 14 to 122°F (-10 to 50°C) - Độ phân giải: 0.1°F/°C - Sai số: ±2.0°F/1.0°C • Độ ẩm: <ul style="list-style-type: none"> - Dải đo: 10 to 90%RH - Độ phân giải: 0.1%RH - Sai số: ±5%RH (@ 25°C) • Điểm sương: <ul style="list-style-type: none"> - Dải đo: -32 to 118°F (-35 to 47°C) - Độ phân giải: 0.1°F/°C • Wet Bulb: <ul style="list-style-type: none"> - Dải đo: 12 to 118.8°F (-11 to 48.2°C) - Độ phân giải: 0.1°F/°C • Giao tiếp máy tính : USB • Tự động tắt, khóa dữ liệu, báo pin thấp • Kích thước : 6.1×3.4×3.2" (160x60x40mm)/ 6.4oz - Catalog hướng dẫn sử dụng (nếu tài liệu là tiếng nước ngoài thì phải gửi kèm bản dịch tiếng Việt) - Giấy chứng nhận hiệu chuẩn thiết bị và dán tem hiệu chuẩn. 	Cái	1	

STT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật của hàng hóa	Đơn vị tính	Số lượng	Ghi chú
4	Máy đo vi khí hậu	<p>Màn hình hiển thị LCD Điện thế pin 3V Đo tốc độ gió 0,4 - 20 m/s Đo nhiệt độ Pt 1000 (-10 độ C đến 70 độ C) Đo độ ẩm 10%Rh - 95%Rh Đo ánh sáng UV (0 - 1.999 uW/cm²), UV (2 - 20.00 mW/cm²) Nhiệt độ điểm sương -25.3 - 49 độ C Nhiệt độ bầu ướt -5.4 - 49 độ C Đo gió lạnh -0.4 đến 44.2 độ C Đo chỉ số nhiệt 0 - 70 độ C Lưu lượng khí 0.024 - 36.000 CMM Kích thước: Dài x rộng x dày (120mm x 45mm x 20mm) - Catalog hướng dẫn sử dụng (nếu tài liệu là tiếng nước ngoài thì phải gửi kèm bản dịch tiếng Việt) - Giấy chứng nhận hiệu chuẩn thiết bị và dán tem hiệu chuẩn.</p>	Cái	1	
Tổng cộng: 79 danh mục					

PHỤ LỤC 2

HÌNH MINH HỌA CỦA ỚNG MAO DẪN THỂ TÍCH 20 μ l

(Kèm theo công văn số 1130/KSBT-HĐMS ngày 07/8/2023 của Hội đồng mua sắm)





PHỤ LỤC 3

(Kèm theo công văn số 130/KSBT-HĐMS ngày 07/8/2023 của Hội đồng mua sắm)

BÁO GIÁ⁽¹⁾

Kính gửi: Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa

Trên cơ sở yêu cầu báo giá của Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh Thanh Hóa, chúng tôi [ghi tên, địa chỉ của hãng sản xuất, nhà cung cấp; trường hợp nhiều hãng sản xuất, nhà cung cấp cùng tham gia trong một báo giá (gọi chung là liên danh) thì ghi rõ tên, địa chỉ của các thành viên liên danh] báo giá như sau:

1. Báo giá cho vật tư, vật tư tiêu hao theo máy, hóa chất, sinh phẩm, khí, trang thiết bị

STT	Danh mục thiết bị y tế ⁽²⁾	Mô tả về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật ⁽³⁾	Ký, mã, nhãn hiệu, model, hãng sản xuất ⁽⁴⁾	Mã HS ⁽⁵⁾	Năm sản xuất ⁽⁶⁾	Xuất xứ ⁽⁷⁾	Số lượng ⁽⁸⁾	Đơn giá ⁽⁹⁾ (VND)	Chi phí cho các dịch vụ liên quan ⁽¹⁰⁾ (VND)	Thuế, phí, lệ phí (nếu có) ⁽¹¹⁾ (VND)	Thành tiền ⁽¹²⁾ (VND)
1	Thiết bị A										
2	Thiết bị B										
n	...										

(Gửi kèm theo các tài liệu chứng minh về tính năng, thông số kỹ thuật và các tài liệu liên quan của thiết bị y tế)

2. Báo giá này có hiệu lực trong vòng: ngày, kể từ ngày ... tháng ... năm ... [ghi cụ thể số ngày nhưng không nhỏ hơn 90 ngày], kể từ ngày ... tháng... năm ... [ghi ngàytháng...năm... kết thúc nhận báo giá phù hợp với thông tin tại khoản 4 Mục I - Yêu cầu báo giá].

3. Chúng tôi cam kết:

- Không đang trong quá trình thực hiện thủ tục giải thể hoặc bị thu hồi Giấy chứng nhận đăng ký doanh nghiệp hoặc Giấy chứng nhận đăng ký hộ kinh doanh hoặc các tài liệu tương đương khác; không thuộc trường hợp mất khả năng thanh toán theo quy định của pháp luật về doanh nghiệp.

- Giá trị của các thiết bị y tế nêu trong báo giá là phù hợp, không vi phạm quy định của pháp luật về cạnh tranh, bán phá giá.

- Những thông tin nêu trong báo giá là trung thực.

....., ngày.... tháng....năm....

Đại diện hợp pháp của hãng sản xuất, nhà cung cấp⁽¹³⁾

(Ký tên, đóng dấu (nếu có))



Ghi chú:

- (1) Hãng sản xuất, nhà cung cấp điền đầy đủ các thông tin để báo giá theo Mẫu này. Trường hợp yêu cầu gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản của nhà thầu để gửi báo giá và các tài liệu liên quan cho Chủ đầu tư theo hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia. Trong trường hợp này, hãng sản xuất, nhà cung cấp không phải ký tên, đóng dấu theo yêu cầu tại ghi chú 13.
 - (2) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi chủng loại thiết bị y tế theo đúng yêu cầu ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế” trong Yêu cầu báo giá.
 - (3) Mô tả về tính năng, thông số kỹ thuật và các thông tin liên quan về kỹ thuật của vật tư, hóa chất, sinh phẩm.
 - (4) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể tên gọi, ký hiệu, mã hiệu, model, hãng sản xuất của thiết bị y tế tương ứng với chủng loại thiết bị y tế ghi tại cột “Danh mục thiết bị y tế”.
 - (5) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể mã HS của từng thiết bị y tế.
 - (6), (7) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể năm sản xuất, xuất xứ của thiết bị y tế.
 - (8) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể số lượng, khối lượng theo đúng số lượng, khối lượng nêu trong Yêu cầu báo giá.
 - (9) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị của đơn giá tương ứng với từng thiết bị y tế.
 - (10) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị để thực hiện các dịch vụ liên quan như lắp đặt, vận chuyển, bảo quản cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế; chi tính chi phí cho các dịch vụ liên quan trong nước.
 - (11) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi cụ thể giá trị thuế, phí, lệ phí (nếu có) cho từng thiết bị y tế hoặc toàn bộ thiết bị y tế. Đối với các thiết bị y tế nhập khẩu, hãng sản xuất, nhà cung cấp phải tính toán các chi phí nhập khẩu, hải quan, bảo hiểm và các chi phí khác ngoài lãnh thổ Việt Nam để phân bổ vào đơn giá của thiết bị y tế.
 - (12) Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi giá trị báo giá cho từng thiết bị y tế. Giá trị ghi tại cột này được hiểu là toàn bộ chi phí của từng thiết bị y tế (bao gồm thuế, phí, lệ phí và dịch vụ liên quan (nếu có)) theo đúng yêu cầu nêu trong Yêu cầu báo giá.
- Hãng sản xuất, nhà cung cấp ghi đơn giá, chi phí cho các dịch vụ liên quan, thuế, phí, lệ phí và thành tiền bằng đồng Việt Nam (VND). Trường hợp ghi bằng đồng tiền nước ngoài, Chủ đầu tư sẽ quy đổi về đồng Việt Nam để xem xét theo tỷ giá quy đổi của Ngân hàng Ngoại thương Việt Nam (VCB) công bố tại thời điểm ngày kết thúc nhận báo giá.
- (13) Người đại diện theo pháp luật hoặc người được người đại diện theo pháp luật ủy quyền phải ký tên, đóng dấu (nếu có). Trường hợp ủy quyền, phải gửi kèm theo giấy ủy quyền ký báo giá. Trường hợp liên danh tham gia báo giá, đại diện hợp pháp của tất cả các thành viên liên danh phải ký tên, đóng dấu (nếu có) vào báo giá.
- Trường hợp áp dụng cách thức gửi báo giá trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia, hãng sản xuất, nhà cung cấp đăng nhập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng tài khoản nhà thầu của mình để gửi báo giá. Trường hợp liên danh, các thành viên thống nhất cử một đại diện thay mặt liên danh nộp báo giá trên Hệ thống. Trong trường hợp này, thành viên đại diện liên danh truy cập vào Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia bằng chứng thư số cấp cho nhà thầu của mình để gửi báo giá. Việc điền các thông tin và nộp Báo giá thực hiện theo hướng dẫn tại Mẫu Báo giá và hướng dẫn trên Hệ thống mạng đấu thầu quốc gia.

